

Bản án số: 61/2026/HS-ST

Ngày: 21-4-2026

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Lương Văn Tuấn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* ông Nguyễn Văn Diệu và ông Đặng Ngọc Tân.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Hà Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý 46/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2026/QĐXXST-HS ngày 03-4-2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/QĐST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đào Duy T**, sinh ngày 20-4-1960; tại xã T, tỉnh Hưng Yên; tên gọi khác: Không có tên gọi khác; Nơi cư trú: thôn P, xã T, tỉnh Hưng Yên; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 7/10; Nghề nghiệp: Công nhân; con ông Đào Văn H, sinh năm 1930, con bà Lê Thị M, đã chết. Gia đình có 6 anh em, bị cáo là con thứ tư; có vợ Trần Thị T1, sinh năm 1963. Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1986.

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 7/10 sau ở nhà lao động tự do. Năm 1977 tham gia Q. Năm 1986, xuất ngũ trở về địa phương lao động tự do. Năm 2001, được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Ba vì đã có thành tích xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ Quốc tế về vang tại Campuchia.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24-4-2025 đến nay.

(Bị cáo tại ngoại - có mặt tại phiên tòa)

- ***Người bào chữa cho bị cáo Đào Duy T:*** Ông Nguyễn Đình T2; bà Đinh Thị D - Luật sư thuộc Công ty L1 - Đoàn Luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: Số D, ngõ B L, phường T, Thành Phố Hà Nội.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** bà Lê Thị Đ, sinh năm 1969 và ông Nguyễn Minh T3, sinh năm 1967.

- **Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Minh T3:** bà Lê Thị Đ, sinh năm 1969.

Đều thường trú tại: thôn P, xã T, tỉnh Hưng Yên.

- **Những người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: thôn Q, xã L, tỉnh Hưng Yên.

2. Bà Đinh Thị N, sinh năm 1963.

3. bà Lê Thị T4, sinh năm 1959.

4. Ông Trần Văn T5, sinh năm 1958.

5. Ông Đinh Ngọc D1, sinh năm 1942.

Đều thường trú tại: thôn P, xã T, tỉnh Hưng Yên.

6. Ông Lê Văn S, sinh năm 1953.

7. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1959.

8. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1964.

Đều thường trú tại: thôn P, xã T, tỉnh Hưng Yên.

9. Ông Lê Văn T6, sinh năm 1961.

10. Bà Lê Thị N1, sinh năm 1965.

Đều thường trú tại: thôn P, xã T, tỉnh Hưng Yên.

11. Bà Vũ Thị S1, sinh năm 1965.

Nơi thường trú: số A, đường Q, phường T, tỉnh Hưng Yên.

(ông T2, bà D đều có mặt; bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T3, anh Đ1, bà N, bà T4, ông T5, ông D1, ông S, ông Xã, ông H1, ông T6, bà N1 và bà S1 đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nghĩa trang N3 thuộc địa phận thôn P, xã T, tỉnh Hưng Yên (thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình cũ) là nghĩa trang cổ, được người dân ở các thôn P, P, P 3, P sử dụng chung từ trước đến nay, không có người trông coi, quản lý nghĩa trang. Khi người dân có nhu cầu để chôn cất người chết, chuyển, xây mộ thì tự ý ra chọn vị trí đất để xây dựng.

Khoảng tháng 12 năm 2022, Đào Duy T là cháu bên ngoại dòng họ Lê ở thôn P, xã T, tỉnh Hưng Yên ra khu vực nghĩa trang chọn vị trí đất gần cổng nghĩa trang, nằm ở phía bên phải theo hướng từ cổng nghĩa trang đi vào trong khuôn viên nghĩa trang, cách cổng nghĩa trang khoảng 5 mét, giáp đường đi, xung quanh vị trí đất có phần mộ của ông Lê Văn Á, bà Đinh Thị N2, bà Nguyễn Thị T7, ông Trần Văn S2, mục đích để chuyển một số ngôi mộ của

dòng họ L hiện đang chôn cất tại nghĩa trang các thôn P, thôn P về xây quy tụ lại một chỗ tại nghĩa trang N3. Sau khi chọn xong đất, T thuê anh Nguyễn Văn Đ1 làm nghề bốc mộ và 01 người lái máy xúc và 01 máy xúc (Tứ không nhớ thuê người lái máy xúc này ở đoạn nào, người lái máy xúc tên tuổi là gì, địa chỉ ở đâu) đến dọn dẹp cỏ và mức đất, thuôn tìm xem khu đất này có mộ hay tiểu quách ở phía dưới không để chuyển ra vị trí khác rồi chuyển mộ của dòng họ L về. Quá trình dọn dẹp khu đất, T và anh Đ1 phát hiện trong khu đất, có hai ngôi mộ được xây gạch trát vữa, màu xám xi măng, dạng hình hộp chữ nhật, cao khoảng 20-30 cm, dài khoảng 60 cm, rộng khoảng 40 cm, có lỗ cắm hương, không có chân hương, không có bia mộ, không đề tên, nằm giáp phần mộ của ông Á và phần mộ của bà N2. Do không biết mộ của ai nên T tìm gặp và hỏi ông Lê Văn S và bà Lê Thị T4 về ngôi mộ trên thì được ông S, bà T4 trả lời không biết mộ của ai. Tứ không hỏi thêm ai khác, không tìm hiểu rõ, không xin phép chính quyền địa phương, không thông báo cho người dân trong xã, thôn biết về phần mộ này mà thuê anh Nguyễn Văn Đ1 đến để thực hiện việc thuôn tìm, bốc, chuyển mộ cho T; thuê máy xúc đến xúc, dọn đất. Khi T chỉ đạo người lái máy xúc xúc phần mặt trên đất, thấy lộ ra phần trên 02 ngôi mộ, sâu xuống dưới lộ ra 01 chiếc lu đã vỡ bên trong có hai đoạn xương. Anh Đ1 đã đi mua một chiếc lu đất mới, cho hai đoạn xương vào bên trong lu, sau đó bỏ vào 01 chiếc tiểu sành, màu nâu, dạng hình hộp chữ nhật, kích thước khoảng (25x30x60) cm. Anh Đ1 tiến hành thuôn tìm xung quanh khu đất, phát hiện có tiểu, đào lên tìm thấy thêm 01 tiểu sành màu nâu, dạng hình hộp chữ nhật, kích thước khoảng (25x30x60) cm. Cả anh Đ1 và T đều không mở tiểu sành ra xem nên không biết bên trong có chứa gì. Sau đó, T chỉ đạo anh Đ1 chuyển 02 chiếc tiểu sành ra chôn cất thành 02 ngôi mộ riêng biệt tại khu vực cách vị trí ban đầu của 02 ngôi mộ khoảng 70 mét về phía Đông Bắc, cách mép đường bên trái khoảng 27 mét theo hướng từ cổng đi vào trong nghĩa trang, quy tụ cùng 03 ngôi mộ vô danh khác thành 05 ngôi mộ trong khuôn viên kích thước (4x2,9) m, phía cuối khuôn viên có xây 01 lăng hương. Sau khi chuyển hai ngôi mộ trên, anh Đ1 tiếp tục thực hiện việc chuyển 04 ngôi mộ của dòng họ Lê về xây quy tụ tại thửa đất trên.

Quá trình điều tra xác định: Một trong số 02 ngôi mộ bị T chỉ đạo đào, phá, chuyển đi trên là mộ con bà Lê Thị Đ (chưa được đặt tên do chết ngay sau khi sinh vào năm 1990) và 01 ngôi mộ hiện không rõ của ai. Ngôi mộ con bà Đ được xây vào năm 1991 và thờ cúng từ đó cho đến nay. Hằng năm, vào dịp tết và thanh minh, gia đình bà Đ tự ra hoặc thuê bà Đinh Thị N dọn cỏ mộ. Do năm 2023, bà Đ bị ốm nằm viện nên không ra thăm mộ được. Đến đầu năm 2024, bà Đ ra thăm mộ, không thấy mộ của con gái đâu nên đã làm đơn tố giác đến Công an huyện H, tỉnh Thái Bình.

Bản cáo trạng số 94/CT-VKS-KV8 ngày 17-3-2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên truy tố bị cáo Đào Duy T về tội "Xâm phạm mồ mả" theo tại khoản 1, điều 319 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX): tuyên bố bị cáo Đào Duy T phạm tội "Xâm phạm mồ mả". Áp dụng khoản 1 điều 319; điểm b, i, s, x khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điều 50; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đào Duy T mức án từ 03 tháng tù đến 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án, giao bị cáo cho UBND xã T, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo T về việc bồi thường toàn bộ tổn thất tinh thần cho bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Minh T3 tổng số tiền là 200.000.000 đồng, bà Đ đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất kỳ khoản tiền nào khác. Trả lại bị cáo T số tiền 25.000.000 đồng bị cáo đã nộp tạm thu tiền khắc phục hậu quả trước khi xét xử.

Về án phí: Bị cáo Đào Duy T là người cao tuổi nên miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Đào Duy T tranh luận: căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị HĐXX xử bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Bị cáo T tranh luận: Đồng ý với tranh luận của luật sư của bị cáo và không tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Đào Duy T đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được cải tại tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an khu vực H2 - Hưng Yên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa bà Lê Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn

Minh T3 và người làm chứng là anh Đ1, bà N, bà T4, ông T5, ông D1, ông S, ông Xã, ông H1, ông T6, bà N1 và bà S1 đều vắng mặt không có lý do, nhận thấy việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người trên theo quy định tại khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với đơn tố cáo ngày 25-11-2024 và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Đ; Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc, sơ đồ nơi xảy ra vụ việc và bản ảnh do Công an xã T (nay là Công an xã T) lập hồi 10 giờ ngày 17-01-2025; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H) lập hồi 14 giờ ngày 26-3-2025; Biên bản làm việc do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H) lập hồi 16 giờ ngày 24-3-2025; Biên bản làm việc tiếp nhận tài liệu, niêm phong tài liệu và kiểm tra điện thoại do Công an xã T (nay là Công an xã T) lập hồi 8 giờ 00 phút ngày 25-02-2025; Biên bản làm việc về nội dung kiểm tra dữ liệu tập tin ghi âm do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H) lập hồi 8 giờ 40 phút ngày 02-4-2025 và 9 giờ 15 phút ngày 03-4-2025; Biên bản làm việc kiểm tra điện thoại di động do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H) lập hồi 18 giờ 20 phút ngày 25-3-2025; Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh T3; Lời khai của những người làm chứng là anh Nguyễn Văn Đ1; bà Đinh Thị N; bà Lê Thị T4; ông Trần Văn T5; ông Đinh Ngọc D1; ông Lê Văn S, ông Nguyễn Văn X, ông Nguyễn Văn H1; ông Lê Văn T6; bà Lê Thị N1; bà Vũ Thị S1.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng cuối tháng 12 năm 2022, tại nghĩa trang N3, thuộc địa phận thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là thôn P, xã T, tỉnh Hưng Yên), vì muốn tăng diện tích xây dựng mộ cho dòng họ Lê, Đào Duy T không xin phép chính quyền địa phương, không thông báo cho người dân biết, không tìm hiểu rõ; đã thuê máy xúc, người lái máy xúc và anh Nguyễn Văn Đ1 đào, phá, di chuyển 02 ngôi mộ vô danh, trong đó có 01 ngôi mộ của con gái bà Lê Thị Đ. Hành vi trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Xâm phạm mồ mả” Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 319 Bộ luật hình sự.

Điều 319. Tội xâm phạm thi thể, mồ mả, hài cốt.

1. Người nào đào, phá mộ mả, chiếm đoạt những đồ vật để ở trong mộ, trên mộ hoặc có hành vi khác xâm phạm thi thể, mộ mả, hài cốt thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

.....

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến phong tục, tập quán, truyền thống thờ cúng của dân tộc Việt Nam, gây ảnh hưởng đến đời sống tâm linh, đời sống tinh thần của những người thân trong gia đình người đã chết, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an. Do đó cần phải xử về hình sự đối với bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và ngăn ngừa tội phạm

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tham gia Q được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Ba vì đã có thành tích xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ Quốc tế về vang tại Campuchia nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 04 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Hưng Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[5] Về trách nhiệm dân sự: trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo T đã tự nguyện bồi thường toàn bộ tổn thất tinh thần cho bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Minh T3 tổng số tiền là 200.000.000 đồng, bà Đ đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất kỳ khoản tiền nào khác nên cần chấp nhận (bị cáo T đã bồi thường xong). Do bị cáo T đã bồi thường xong nên cần phải trả lại bị cáo T số tiền 25.000.000 đồng bị cáo đã nộp tạm thu tiền khắc phục hậu quả trước khi xét xử.

[6] Về biện pháp tư pháp: Đối với ngôi mộ của con bà Đ do bị cáo T chuyển đi hiện nay không xác định được ở vị trí nào trong 02 hoặc 05 ngôi mộ ở vị trí mới tuy nhiên đến nay bà Đ không yêu cầu phải xác định đúng mộ của con bà Đ ở vị trí nào, bà cũng không yêu cầu bị cáo phải di chuyển ngôi mộ đã chuyển đi về vị trí ban đầu và khắc phục, xây dựng ngôi mộ theo hiện trạng tương đương với hiện trạng ban đầu, đây là sự tự nguyện của bà Đ phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Đối với bà Vũ Thị S1 là người mà bị cáo Đào Duy T trình bày đã nhờ bị cáo tìm đất xây mộ cho dòng họ L, quá trình điều tra xác định: quá trình T tìm đất và xây dựng mộ, bà S1 không biết việc T đã thuê anh Nguyễn Văn Đ1 đập phá và chuyển hai ngôi mộ vô danh. T không thông báo và nói cho bà S1 biết việc thừa đất mà T tìm và xây dựng cho phần mộ của gia đình dòng họ nhà bà S1 biết việc có mộ và tiểu quách phía dưới. Tuy nhiên bà S1 trình bày bà S1 không nhờ hay thuê bị cáo T thực hiện việc tìm đất, xây mộ cho dòng họ Lê, không chi trả chi phí chuyển mộ và xây dựng mộ. Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập bà Vũ Thị S1 để làm việc về nội dung còn mâu thuẫn nhưng bà S1 không có mặt tại địa phương. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H tiếp tục điều tra, làm rõ là phù hợp.

[8] Đối với anh Nguyễn Văn Đ1 là người được Đào Duy T thuê dọn dẹp khu đất, thuôn tìm tiểu quách, di chuyển các ngôi mộ ở vị trí đất mà T đã tìm để xây phần mộ cho dòng họ Lê ở nghĩa trang N3. Anh Đ1 đã thực hiện các việc trên theo sự và chỉ đạo của T thuôn tìm vị trí mà T chỉ. Quá trình anh Đ1 thuôn tìm phát hiện khu đất mà T chỉ đạo có 02 ngôi mộ. Anh Đ1 đã bốc lên và chuyển ra vị trí khác theo sự chỉ đạo của T, anh Đ1 không biết trong 02 ngôi mộ chuyển đi là của ai. Anh Đ1 làm nghề bốc mộ thuê và làm theo sự chỉ đạo của T. Anh Đ1 xác định những ngôi mộ được di chuyển là mộ của gia đình nhà ông T nên ông T thuê anh chuyển mộ. Do vậy, hành vi của anh Nguyễn Văn Đ1 không đủ yếu tố cấu thành tội “Xâm phạm mồ mả”.

[9] Đối với người lái máy xúc được Đào Duy T thuê để xúc đất, dọn cây, cỏ, phá 02 ngôi mộ trong khu đất mà T đã chỉ đạo Nguyễn Văn Đ1 chuyển 02 ngôi mộ vô danh đi. Quá trình điều tra đến nay, do thời gian đã lâu T không nhớ thuê người lái máy xúc này ở đoạn nào, người lái máy xúc tên tuổi là gì, địa chỉ ở đâu. Do vậy Cơ quan điều tra không xác định được người lái máy xúc mà T đã khai báo để tiến hành làm việc xác minh, điều tra xử lý theo quy định là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo Đào Duy T là người cao tuổi nên miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đào Duy T phạm tội “Xâm phạm mồ mả”.

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 319; điểm b, i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Đào Duy T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 21-4-2026.

Giao bị cáo Đào Duy T cho UBND xã T, tỉnh Hưng Yên để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Về biện pháp ngăn chặn: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Đào Duy T.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584; Điều 585; Điều 607 Bộ luật Dân sự: chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo T tự nguyện bồi thường toàn bộ tổn thất tinh thần cho bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Minh T3 tổng số tiền là 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng), bà Đ đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất kỳ khoản tiền nào khác (bị cáo T đã bồi thường xong).

Trả lại bị cáo Đào Duy T số tiền 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng) bị cáo đã nộp tiền khắc phục hậu quả trước khi xét xử theo biên lai thu tiền số 0001718 ngày 22-12-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326-2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đào Duy T.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo Đào Duy T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21-4-2026); người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Đ, ông Nguyễn Minh T3 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND khu vực 8 - Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CQCSĐT Công an tỉnh Hưng Yên;
- CQTHAHS Công an tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 8 - Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Tiên La, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lương Văn Tuấn